

Số: 08/2017/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 8 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưư VT, (Oanh).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

**Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển
và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020**
*(Kèm theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Phần thứ nhất NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Chương trình) là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; bảo đảm quản lý tập trung, phát huy hiệu quả sử dụng vốn và phù hợp định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 của tỉnh, phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

3. Việc phân bổ vốn phải theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp Chương trình.

4. Bảo đảm tương quan hợp lý với sự phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố; ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã xây dựng nông thôn mới, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng và thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Phạm vi và đối tượng hỗ trợ của từng dự án thành phần thuộc Chương trình được thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định 1722/QĐ-TTg) và Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg) và các quy định hiện hành.

Phần thứ hai **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Chương I **TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN**

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Tiêu chí về dân số và dân tộc thiểu số.
2. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về diện tích đất tự nhiên (đối với Chương trình 30a).
4. Tiêu chí về đơn vị hành chính.

Điều 5. Căn cứ xác định tiêu chí

1. Tiêu chí về quy mô dân số, số hộ dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo, quy mô hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn để tính định mức phân bổ vốn căn cứ vào số liệu công bố kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

2. Tiêu chí về số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính định mức phân bổ vốn căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2015 do tỉnh công bố.

3. Huyện nghèo; xã khu vực III, II, I; xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình 135; thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Xã thuộc diện được đầu tư Chương trình 135 trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới trong năm phân bổ vốn căn cứ theo kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương II
XÁC ĐỊNH HỆ SỐ CỦA TỪNG TIÊU CHÍ
VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN THEO TỪNG DỰ ÁN

Mục 1
DỰ ÁN 1: CHƯƠNG TRÌNH 30a

Điều 6. Định mức phân bổ vốn

1. Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hằng năm và nguồn ngân sách địa phương bố trí (nếu có) cho dự án, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện Lâm Bình giai đoạn 2013 - 2017 và Quyết định số 1722/QĐ-TTg để phân bổ vốn cho huyện Lâm Bình đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung của dự án và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Trong giai đoạn 2017 - 2020, trường hợp tỉnh được Chính phủ phê duyệt bổ sung huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg quyết định định mức phân bổ vốn cho các huyện nghèo trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Mục 2
DỰ ÁN 2: CHƯƠNG TRÌNH 135

Tiểu mục 1
TIÊU CHÍ VÀ CÁCH TÍNH HỆ SỐ CÁC TIÊU CHÍ

Điều 7. Các tiêu chí cụ thể

1. Tiêu chí về xã.
2. Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn.
3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.
4. Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

Điều 8. Cách tính hệ số các tiêu chí đối với xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện được đầu tư Chương trình 135

1. Tiêu chí về xã

Đặc thù của xã	Hệ số
Xã khu vực III được tính	10
Xã khu vực II	9
Xã khu vực I	8
Xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới trong năm phân bổ vốn được cộng thêm	2

2. Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn trong xã

Số thôn đặc biệt khó khăn của xã	Hệ số
Xã có dưới 5 thôn đặc biệt khó khăn	1
Xã có từ 5 đến 10 thôn đặc biệt khó khăn	1,5
Xã có trên 10 đến 15 thôn đặc biệt khó khăn	2
Xã có trên 15 thôn đặc biệt khó khăn	2,5

3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo của xã	Hệ số
Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 20%	1
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20 % đến dưới 30%	2
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30 % đến dưới 40%	3
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% đến dưới 50%	4
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% đến dưới 60%	5
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% đến dưới 70%	6
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 70% đến dưới 80%	7
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 80% trở lên	8

4. Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số

Tỷ lệ dân tộc thiểu số của xã	Hệ số
Dưới 50%	1
Từ 50% đến 70%	2
Từ trên 70% đến 90%	3
Trên 90%	4

Tiểu mục 2

PHƯƠNG PHÁP, CÁCH TÍNH PHÂN BỐ VỐN CHO CÁC TIỂU DỰ ÁN

Điều 9. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

1. Đối với vốn đầu tư phát triển

a) Ủy ban nhân dân tỉnh dành 10% trong tổng số vốn đầu tư phát triển để thực hiện các mục tiêu cấp bách, giải quyết những vấn đề ở địa bàn có phức tạp về an ninh trật tự, đầu tư một số công trình khởi công mới có yêu cầu phức tạp, phạm vi liên xã, công trình có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, công trình lồng ghép hoàn thiện tiêu chí nông thôn mới, công trình mà người dân có yêu cầu cấp thiết tại một số xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc diện được đầu tư Chương trình 135 do Ban Dân tộc tỉnh đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh để phân

bổ theo hình thức luân phiên, đảm bảo trong giai đoạn áp dụng Quy định này, tất cả các huyện có địa bàn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 đều được hưởng lợi từ nguồn vốn này.

b) Số vốn phân bổ cho huyện: là số vốn còn lại sau khi đã trừ đi 10% số vốn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, được phân bổ cho huyện trên cơ sở định mức phân bổ vốn cho thôn đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II thuộc diện được đầu tư Chương trình 135 (sau đây gọi tắt là thôn thuộc Chương trình 135) và định mức phân bổ vốn cho xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình 135 (sau đây gọi tắt là xã thuộc Chương trình 135), cụ thể:

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho huyện}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các thôn thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}} + \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}}$$

Trong đó:

- Định mức phân bổ vốn đối với thôn thuộc Chương trình 135: mức phân bổ 200 triệu đồng/thôn/năm; tối đa không quá 04 thôn/xã/năm.

- Cách tính phân bổ vốn đối với xã thuộc Chương trình 135:

+ Tính tổng số vốn phân bổ cho các xã toàn tỉnh:

$$\boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ các xã thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}} = \boxed{\text{Tổng số vốn đầu tư phát triển Chương trình 135 toàn tỉnh}} - \boxed{\text{Số vốn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 9}} - \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các thôn thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}}$$

+ Tính hệ số của xã:

$$\boxed{\text{Tổng hệ số của xã thuộc Chương trình 135}} = \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về xã}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn trong xã}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số}}$$

+ Tính định mức số vốn phân bổ:

$$\boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các xã thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}} : \boxed{\text{Tổng hệ số của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh}}$$

+ Số vốn phân bổ cho từng xã:

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho từng xã thuộc Chương trình 135}} = \boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} \times \boxed{\text{Tổng hệ số của xã đó}}$$

2. Đối với vốn sự nghiệp (duy tu bảo dưỡng công trình)

a) Tính hệ số của huyện

$$\boxed{\text{Tổng hệ số của huyện}} = \boxed{\text{Tổng hệ số Tiêu chí về xã của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}} + \boxed{\text{Tổng hệ số Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn trong xã của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}} + \boxed{\text{Tổng hệ số Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}} + \boxed{\text{Tổng hệ số Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}}$$

b) Tính định mức vốn phân bổ

$$\boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} = \frac{\boxed{\text{Tổng số vốn sự nghiệp (duy tu bảo dưỡng công trình) phân bổ cho Chương trình 135 toàn tỉnh}}}{\boxed{\text{Tổng hệ số của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh}}}$$

c) Số vốn phân bổ cho từng huyện

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho huyện}} = \boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} \times \boxed{\text{Tổng hệ số của huyện đó}}$$

Điều 10. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (*kinh phí sự nghiệp*)

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho huyện}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các thôn thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}} + \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn huyện}}$$

Trong đó:

1. Định mức phân bổ vốn đối với thôn thuộc Chương trình 135: Mức phân bổ vốn 50 triệu đồng/thôn/năm. Tối đa không quá 04 thôn/xã/năm.

2. Cách tính phân bổ vốn đối với xã thuộc Chương trình 135 như sau:

a) Tính tổng số vốn phân bổ cho các xã toàn tỉnh

$$\boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các xã thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho Tiêu dự án toàn tỉnh}} - \boxed{\text{Tổng số vốn cho các thôn thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}}$$

b) Tính hệ số của xã

$$\boxed{\text{Tổng hệ số của xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135}} = \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về xã}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về thôn đặc biệt khó khăn trong xã}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về tỷ lệ người dân tộc thiểu số}}$$

c) Tính định mức số vốn phân bổ

$$\boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} = \frac{\boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các xã thuộc Chương trình 135 toàn tỉnh}}}{\boxed{\text{Tổng hệ số của các xã thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh}}}$$

d) Số vốn phân bổ cho từng xã

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho từng xã thuộc Chương trình 135}} = \boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} \times \boxed{\text{Tổng hệ số của xã đó}}$$

Điều 11. Tiêu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (*kinh phí sự nghiệp*).

Căn cứ nguồn vốn của Tiêu dự án được bố trí hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung của dự án và theo đúng quy định.

Mục 3
DỰ ÁN 3: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT,
ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ, NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO
CÁC XÃ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH 30a VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kinh phí sự nghiệp)

Điều 12. Các tiêu chí cụ thể

1. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.
2. Tiêu chí về quy mô hộ nghèo.

Điều 13. Cách tính hệ số các tiêu chí cho xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135

1. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Xã không có hộ nghèo	0
Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%	0,2
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% đến dưới 10%	0,5
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%	0,55
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% đến dưới 30%	0,6
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 40%	0,65
Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% trở lên	0,7

2. Tiêu chí về quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Xã không có hộ nghèo	0
Xã có quy mô hộ nghèo dưới 50 hộ	0,2
Xã có quy mô hộ nghèo từ 50 hộ đến dưới 100 hộ	0,5
Xã có quy mô hộ nghèo từ 100 hộ đến dưới 200 hộ	0,55
Xã có quy mô hộ nghèo từ 200 hộ đến dưới 300 hộ	0,6
Xã có quy mô hộ nghèo từ 300 hộ đến dưới 400 hộ	0,65
Xã có quy mô hộ nghèo từ 400 hộ trở lên	0,7

Điều 14. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

1. Tính tổng hệ số của huyện, thành phố

Tổng hệ số huyện, thành phố	=	Tổng hệ số Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 trên địa bàn huyện, thành phố	+	Tổng hệ số Tiêu chí quy mô hộ nghèo của các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 trên địa bàn huyện, thành phố
--------------------------------	---	---	---	--

2. Tính định mức vốn phân bổ

$$\boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho Dự án}} : \boxed{\text{Tổng hệ số của các xã ngoài Chương trình 135 và 30a toàn tỉnh}}$$

3. Tính số vốn phân bổ cho từng huyện, thành phố

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho huyện, thành phố}} = \boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} \times \boxed{\text{Tổng hệ số của huyện, thành phố}}$$

Mục 4

DỰ ÁN 4: TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢM NGHÈO VỀ THÔNG TIN

(*Kinh phí sự nghiệp*)

Điều 15. Các tiêu chí cụ thể

1. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.
2. Tiêu chí về quy mô hộ nghèo.
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã.

Điều 16. Cách tính hệ số các tiêu chí cho các huyện, thành phố (gọi chung là huyện)

1. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Hệ số
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%	0,2
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 5% đến dưới 10%	0,5
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%	0,55
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% đến dưới 30%	0,6
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 40%	0,65
Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 40% trở lên	0,7

2. Tiêu chí về quy mô hộ nghèo

Quy mô hộ nghèo	Hệ số
Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 1.000 hộ	0,2
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 1.000 hộ đến dưới 4000 hộ	0,3
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,4
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ đến dưới 8.000 hộ	0,5
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 8.000 hộ đến dưới 10.000 hộ	0,6
Huyện có quy mô hộ nghèo từ 10.000 hộ trở lên	0,7

3. Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Cứ 01 xã	0,1
Cứ 01 xã khu vực III được cộng thêm	0,1

Điều 17. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

1. Phân bổ 50% trong tổng số vốn toàn tỉnh cho các cơ quan cấp tỉnh, trong đó 1/2 số vốn thực hiện truyền thông về giảm nghèo, còn lại thực hiện giảm nghèo về thông tin.

2. Phân bổ số vốn còn lại cho huyện, thành phố. Số vốn phân bổ được xác định trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Điều 16 Quy định này, định mức phân bổ như sau:

a) Tổng vốn phân bổ cho huyện, thành phố

$$\boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thành phố}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho Dự án}} - \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho các cơ quan cấp tỉnh}}$$

b) Tính hệ số của huyện, thành phố

$$\boxed{\text{Tổng hệ số của huyện, thành phố}} = \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về quy mô hộ nghèo}} + \boxed{\text{Hệ số Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã}}$$

c) Tính định mức vốn phân bổ

$$\boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} = \boxed{\text{Tổng số vốn phân bổ cho huyện, thành phố}} : \boxed{\text{Tổng hệ số của huyện, thành phố}}$$

d) Tính số vốn phân bổ cho từng huyện, thành phố

$$\boxed{\text{Số vốn phân bổ cho từng huyện, thành phố}} = \boxed{\text{Số vốn định mức phân bổ}} \times \boxed{\text{Tổng hệ số của huyện, thành phố}}$$

Mục 5

DỰ ÁN 5: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH (Kinh phí sự nghiệp)

Điều 18. Tiêu chí, cách tính hệ số các tiêu chí cho huyện, thành phố

1. Các tiêu chí cụ thể thực hiện theo Điều 15 Quy định này.

2. Cách tính hệ số tiêu chí cho các huyện, thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

Điều 19. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

1. Phân bổ 50% trong tổng số vốn toàn tỉnh cho các cơ quan cấp tỉnh, trong đó 1/2 phân bổ cho nội dung đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; số còn lại cho hoạt động giám sát, đánh giá.

2. Phân bổ số vốn còn lại cho huyện, thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy định này./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn